

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH TÂY NINH

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
TỈNH TÂY NINH
(1930 - 2005)**



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH TÂY NINH

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
TỈNH TÂY NINH
(1930 - 2005)**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2010**

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY TÂY NINH

CHỦ BIÊN

LÊ MINH TRỌNG

Phó Bí thư Tỉnh ủy

TS. HOÀNG KIM THANH

Trưởng ban Địa phương

Viện Lịch sử Đảng

BAN BIÊN SOẠN

HUỲNH PHÚ LẠC

VÕ TAM ANH

NGUYỄN TỈNH KHẨM





HUÂN CHƯƠNG SAO VÀNG

Phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước tặng nhân dân các dân tộc,
cán bộ, chiến sĩ tỉnh Tây Ninh



LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Là tỉnh nằm ở Đông Nam Bộ, phía tây và tây bắc giáp với Vương quốc Campuchia, phía đông giáp với Bình Dương và Bình Phước, phía nam giáp với Thành phố Hồ Chí Minh và Long An, Tây Ninh là vùng đất có núi, có đồng bằng và phong cảnh hấp dẫn, có núi Bà Đen là nơi có truyền thuyết nổi tiếng, là thánh địa của đạo Cao Đài với Nhà thờ đạo được nhiều người biết tiếng. Nơi đây có nhiều loài động, thực vật quý đang được bảo tồn và bảo vệ như rắn ba sọc, rùa vàng...

Ngay từ xa xưa, nhân dân các dân tộc sinh sống ở vùng Tây Ninh đã sớm có tinh thần yêu nước, yêu lao động, luôn tích cực góp phần công sức của mình vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, lập nên bao chiến công vang dội.

Từ khi có Đảng lãnh đạo đến nay, lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc ở Tây Ninh vô cùng vẻ vang với nhiều chiến công oanh liệt trong giành chính quyền, kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, xứng đáng với truyền thống "Trung dũng, kiên cường", là "căn cứ địa của cách mạng". Trong thời kỳ cùng cả nước bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, mà trực tiếp là Tỉnh uỷ Tây Ninh, nhân dân các dân tộc ở Tây Ninh vượt qua nhiều khó khăn gian khổ, hy sinh đã vươn lên giành được nhiều thành tích quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, an ninh,

quốc phòng, công tác đối ngoại và xây dựng hệ thống chính trị. Lịch sử vẻ vang đó luôn là niềm tự hào của các thế hệ cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc ở Tây Ninh, góp phần cổ vũ Đảng bộ và nhân dân các dân tộc ở Tây Ninh không ngừng phấn đấu vươn lên thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Để giúp bạn đọc hiểu rõ hơn về vùng đất Tây Ninh, về lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phối hợp với Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tây Ninh xuất bản cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tây Ninh (1930-2005)***.

Cuốn sách tập trung giới thiệu những đặc điểm, truyền thống, quá trình đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Tây Ninh, tổng kết, đánh giá những thành tựu, những bước ngoặt lịch sử của quân và dân Tây Ninh trong các giai đoạn của cách mạng Việt Nam.

Cuốn sách ra đời là món quà quý chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ IX, phục vụ chào mừng những ngày kỷ niệm trọng đại của dân tộc trong năm 2010.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 8 năm 2010

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI GIỚI THIỆU

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã đứng lên giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á, mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do; làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và Đại thắng mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện công cuộc đổi mới, nâng cao uy tín và vị thế nước ta trên trường quốc tế. Hoà chung với lịch sử vẻ vang của dân tộc, Đảng bộ tỉnh Tây Ninh đã lãnh đạo quân và dân trong tỉnh vượt qua gian khổ, hy sinh, anh dũng chiến đấu lập nên những chiến công vang dội, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Thực hiện chỉ thị của Xứ uỷ Nam Bộ, dưới sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, nhân dân Tây Ninh đã đứng lên khởi nghĩa, giành chính quyền vào đêm 25-8-1945; tham gia cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; làm nên chiến thắng Tua Hai vào ngày 26 tháng giêng năm 1960, mở đầu cho phong trào Đồng khởi vũ trang ở miền Đông Nam Bộ; cùng với các lực lượng đứng chân vùng căn cứ địa cách mạng chiến đấu anh dũng, đánh bại các cuộc

hành quân quy mô lớn của địch, bảo vệ an toàn căn cứ Trung ương Cục miền Nam. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, quân và dân Tây Ninh đã chủ động đứng lên giải phóng tỉnh. Đất nước thống nhất, được tận hưởng niềm vui hoà bình, nhưng Đảng bộ tỉnh vẫn luôn chú trọng lãnh đạo chính quyền, quân và dân Tây Ninh vừa hàn gắn vết thương chiến tranh, vừa tiếp tục tham gia chiến đấu, bảo vệ biên giới Tây Nam và thực hiện nghĩa vụ quốc tế giúp nhân dân Campuchia hồi sinh sau hoạ diệt chủng. Đảng bộ tỉnh lãnh đạo quân và dân Tây Ninh một lòng theo Đảng, trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam; đoàn kết, anh dũng chiến đấu, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng, xây dựng tỉnh Tây Ninh xứng đáng với truyền thống "*Trung dũng kiên cường*", quê hương "*Căn cứ địa cách mạng*".

Trải qua 75 năm (1930-2005), là cả một chặng đường lịch sử vẻ vang của Đảng bộ, chính quyền, quân và dân Tây Ninh. Trong chặng đường vẻ vang đó, biết bao chiến sĩ, đồng bào, cán bộ, đảng viên trung kiên đã ngã xuống, hy sinh anh dũng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, cống hiến to lớn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Để khắc sâu những sự kiện lịch sử quan trọng; những chiến công vang dội, tôn vinh tên đất, tên người đã tô thắm trang sử vàng của tỉnh Tây Ninh, của dân tộc trong suốt cuộc trường chinh kháng chiến giành độc lập, tự do, cũng như góp phần tổng kết, đánh giá những thành tựu, những bước ngoặt lịch sử, ghi nhận công lao, sự nỗ lực, cố gắng vươn lên trong hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng quê hương của Đảng bộ, chính quyền, quân và dân Tây Ninh, Ban Thường

vụ Tỉnh uỷ Tây Ninh (khoá VIII) chỉ đạo nghiên cứu, biên soạn cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tây Ninh (1930-2005)***. Việc biên soạn cuốn sách thể hiện đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", sự trân trọng, giữ gìn, phát huy truyền thống, những giá trị lịch sử trong công cuộc xây dựng tỉnh Tây Ninh; đồng thời cũng là sự tri ân sâu sắc của Đảng bộ, chính quyền, quân và dân Tây Ninh đối với các anh hùng liệt sĩ, cán bộ, chiến sĩ, đồng bào đã anh dũng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Cuốn sách được biên soạn dựa trên cơ sở bổ sung, chỉnh lý, nâng cao chất lượng nội dung từ hai tập sách: *Tây Ninh 30 năm trung dũng kiên cường* (Sơ thảo) và *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tây Ninh (1975-1995)*; đồng thời sưu tầm tư liệu và biên soạn tiếp phần Lịch sử Đảng bộ tỉnh thời kỳ 1996-2005. Cuốn sách sẽ là tài liệu quý phục vụ tốt cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và tuyên truyền giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên, nhân dân, nhất là thế hệ trẻ của tỉnh Tây Ninh; giúp cho việc nghiên cứu, tìm hiểu một giai đoạn lịch sử của Đảng bộ tỉnh đối với độc giả trong nước và bạn bè nước ngoài; góp phần sinh động, phong phú cho lịch sử chung toàn Đảng.

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Tây Ninh xin chân thành cảm ơn các đồng chí cách mạng lão thành, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh qua các thời kỳ, các nhân chứng lịch sử, các nhà khoa học, Viện Lịch sử Đảng thuộc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia đã đóng góp công sức, trí tuệ cho cuốn sách được ra mắt bạn đọc.

Tuy nhiên, do quy mô công trình Lịch sử Đảng bộ tỉnh rộng lớn, nên cuốn sách không tránh khỏi thiếu sót, hạn chế, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của đồng bào, đồng chí để lần xuất bản sau được hoàn thiện, nâng cao chất lượng hơn.

Nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ IX và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Tây Ninh xin trân trọng giới thiệu với đồng bào, đồng chí trong tỉnh cùng bạn đọc cả nước cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tây Ninh (1930-2005)***.

TM. BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

LÊ THỊ BÂN

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Bí thư Tỉnh uỷ Tây Ninh

Mở đầu

TÂY NINH - VÙNG ĐẤT - CON NGƯỜI

I- ĐỊA LÝ, ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TÂY NINH QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

Giữa thế kỷ XVII, Tây Ninh còn là vùng đất hoang vu rừng rậm và nhiều thú dữ. Thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh, hai bên đánh nhau gần nửa thế kỷ (1627-1672), làm cho đời sống nhân dân vô cùng khốn khổ. Nhiều người phải bỏ làng quê đến các vùng rừng núi hoang vu để khai hoang lập ấp, làm ăn sinh sống, xa lánh mọi bất công của xã hội đương thời.

Năm 1658, nhiều người Việt đến đây khai hoang lập ấp. Năm 1698, Chúa Nguyễn Phúc Chu cử Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam ổn định tình hình và thiết lập bộ máy hành chính các cấp. Nguyễn Hữu Cảnh lập đất Nông Nại thành phủ Gia Định phân làm hai huyện: Phước Long trên vùng đất Đồng Nai, có lý sở là dinh Trấn Biên; Tân Bình trên vùng đất Sài Gòn, có lý sở là dinh Phiên Trấn¹.

Tây Ninh lúc bấy giờ có hai đạo Quang Phong và Quang Hoá

1. Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thống chí*, Nxb. Văn hoá Sài Gòn, 1972, tr. 12.

thuộc huyện Phước Long. Năm 1779, hai đạo Quang Phong và Quang Hoá thuộc huyện Tân Bình¹.

Năm 1838, vua Minh Mạng định lại tổ chức hành chính, thành lập tỉnh Gia Định, gồm ba phủ: Tân Bình, Tân An và Tây Ninh.

Phủ Tây Ninh có hai huyện: Tân Ninh và Quang Hoá.

Huyện Tân Ninh cai quản 3 tổng, 24 làng, huyện lỵ tại vùng thị xã Tây Ninh ngày nay. Huyện Quang Hoá cai quản 4 tổng, 32 làng, huyện lỵ tại làng Cẩm Giang.

Năm 1858, thực dân Pháp xâm chiếm nước ta. Năm 1861 Tây Ninh bị chiếm và được sáp nhập về Sài Gòn. Thực dân Pháp đặt hai đoàn quân sự cai trị ở Trảng Bàng và Tây Ninh. Năm 1868, hai ty hành chính được thành lập thay thế cho hai đoàn quân sự. Ngày 5-6-1872, Toàn quyền Pháp ở Đông Dương ký quyết định bỏ Ty hành chính Trảng Bàng và thành lập tỉnh Tây Ninh theo ranh giới giữa Tây Ninh và Gia Định, Chợ Lớn, Tân An (Long An).

Năm 1890, thực dân Pháp cắt một phần đất của Tây Ninh dọc theo “Rạch Ngã Bát” cho Campuchia. Từ đấy, địa giới Tây Ninh trọn vẹn đến ngày nay.

Dưới thời thuộc Pháp, tỉnh Tây Ninh được chia ra hai quận:

- Quận Thái Bình có 7 tổng, 34 làng.
- + Tổng Hoà Ninh có 7 làng: Đông Tác, Hoà Hiệp, Hoà Hội, Hảo Đức, Ninh Thạnh, Thái Bình, Thanh Điền.
- + Tổng Hàm Ninh Thượng có 4 làng: Đôn Thuận, Hiệp Ninh, Lộc Ninh, Phước Hội.

1. Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 196, 320.

+ Tổng Giai Hoá có 6 làng: Ninh Điền, Long Chũ, Long Giang, Long Khánh, Long Thuận, Tiên Thuận.

+ Khăng Xuyên có 8 làng: Cà Khup, Chra Sre, Đây Xoài, Đốt Bô, Prey Chêt, Praha Miệt, Phum Xoài, Tapăng Roben.

+ Băng Chrum có 2 làng: Băng Chrum Srey, Prey Têch.

+ Tabel Yul có 3 làng: Tàrôt, Tapangprây, Tapăngprôsốc.

+ Chơn Bà Đen có 4 làng: Cà Nhum, Khedol, Rừng Thùng, Am Pil.

Đến năm 1942, quận Thái Bình đổi tên là quận Châu Thành.

- Quận Trảng Bàng có 3 tổng, 16 làng.

+ Tổng Hàm Ninh Hạ có 6 làng: An Tịnh, An Hoà, Gia Lộc, Gia Bình, Lộc Hưng, Phước Chỉ.

+ Tổng Mỹ Ninh có 5 làng: An Thạnh, Lợi Thuận, Phước Thạnh, Phước Lưu, Thanh Phước.

+ Triêm Hoá có 5 làng: Cẩm Giang, Hiệp Thạnh, Phước Trạch, Thạnh Đức, Trường Hoà.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và kháng chiến chống Pháp, chính quyền cách mạng thành lập thêm huyện Khăng Xuyên (năm 1949), gồm 3 xã: Khăng Xuyên Nam, Khăng Xuyên Trung, Khăng Xuyên Bắc. Tháng 5-1951, Trung ương Cục miền Nam¹ bố trí lại chiến trường Nam Bộ, lấy sông Tiền làm ranh giới phân chia thành Phân liên khu miền Tây và Phân liên khu miền Đông, đồng thời quyết định sáp nhập một số tỉnh. Trong đó, Tây Ninh cùng hai huyện Hóc Môn, Gò Vấp (tỉnh Gia Định) và hai huyện Đức Hoà Thành,

1. Tháng 3-1951, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ nhất (khoá II) quyết định trên cơ sở tổ chức Xứ uỷ, thành lập Phân cục Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Nam Bộ, gọi tắt là Trung ương Cục miền Nam.

Trung Huyện (tỉnh Chợ Lớn) sáp nhập thành tỉnh Gia Định-Ninh. Sau đó, Tỉnh ủy Gia Định-Ninh quyết định thành lập huyện căn cứ Dương Minh Châu, gồm 5 xã: Ninh Thạnh, Thạnh Bình, Chơn Bà Đen, Định Thành và Phước Ninh.

Trên cơ sở sáp nhập tỉnh, huyện Khăng Xuyên sáp nhập vào huyện Châu Thành. Các xã của huyện Châu Thành sáp nhập thành liên xã: 3 xã Hảo Đức, Hoà Hội, Trí Bình thành xã Đức Hoà Bình; 3 xã Long Giang, Long Chũ, Long Khánh thành xã Tam Long. Sau đó, sáp nhập thêm 2 xã Ninh Điền và Khăng Xuyên Nam vào xã Tam Long thành xã Long Xuyên Điền; xã Phước Hội và xã Lộc Ninh thành xã Phước Ninh.

Huyện Trảng Bàng sáp nhập hai xã Đôn Thuận và Lợi Thuận thành xã Đôn Lợi Thuận; hai xã Phước Trạch và Hiệp Thạnh thành xã Hiệp Phước; hai xã Thạnh Đức và Cẩm Giang thành xã Thạnh Giang.

Sau khi ký kết Hiệp định Giơnevơ (7-1954) lập lại hoà bình ở Đông Dương, tháng 8-1954 tỉnh Tây Ninh được tách từ tỉnh Gia Định-Ninh và trở lại ranh giới như hiện nay. Thị xã Tây Ninh được thành lập trên phần đất của xã Thái Hiệp Thạnh (bao gồm phần thị tứ của 3 xã Thái Bình, Hiệp Ninh và Ninh Thạnh). Thành lập huyện Tòa Thánh (nay là huyện Hòa Thành) gồm các xã: Hiệp Ninh, Long Thành, Ninh Thạnh và Trường Hòa.

Sau chiến thắng Tua Hai năm 1960, ta thành lập tỉnh căn cứ lấy bí số là C.1000 gồm các huyện Châu Thành, Dương Minh Châu, C105 (Tân Biên ngày nay), do đồng chí Hoàng Minh Đạo làm Bí thư. Song, tỉnh C.1000 chỉ tồn tại vài tháng rồi giải thể. Năm 1961, thành lập huyện Bến Cầu

với 8 xã: Long Thuận, An Thạnh, Tiên Thuận, Lợi Thuận, Long Khánh, Long Giang, Long Chũ và Rừng Nhum. Cũng trong năm 1961, huyện Gò Dầu được tách ra khỏi huyện Trảng Bàng, huyện Gò Dầu có 6 xã: Thanh Phước, Phước Thạnh, Hiệp Thạnh, Phước Trạch, Thanh Đức, Cẩm Giang. Cuối năm 1963, huyện Gò Dầu thành lập thêm 2 xã mới là Bàu Đồn, Suối Bà Tươi và thị trấn Gò Dầu.

Tháng 10-1967, chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, Trung ương Cục miền Nam quyết định thành lập 6 phân khu để tạo mũi nhọn đánh vào sào huyệt của địch ở Sài Gòn, theo đó huyện Trảng Bàng được nhập về Phân khu I. Năm 1972, huyện Trảng Bàng lại trả về Tây Ninh.

Năm 1948, ngụy quyền tay sai Pháp thành lập quận Gò Dầu Hạ. Từ năm 1954 đến năm 1956, chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn giữ ranh giới hành chính cũ của tỉnh Tây Ninh. Từ năm 1956 trở đi, ngụy quyền đã nhiều lần thay đổi ranh giới các quận, xã. Năm 1956, sáp nhập ấp Phước Mỹ (xã Phước Chỉ) về tỉnh Long An. Năm 1958, chia quận Châu Thành làm 2 quận: Phước Ninh và Phú Khương. Năm 1961, đổi tên quận Trảng Bàng thành quận Phú Đức. Năm 1963, sáp nhập xã Bến Củi (quận Khiêm Hanh) vào quận Tri Tâm tỉnh Bình Dương. Năm 1963, để tăng cường tuyến phòng thủ phía tây bắc Sài Gòn, ngụy quyền Sài Gòn thành lập tỉnh Hậu Nghĩa gồm 4 quận: Đức Hoà, Đức Huệ (tỉnh Long An), Củ Chi (tỉnh Gia Định) và Phú Đức (tức huyện Trảng Bàng, Tây Ninh)¹. Lúc này, tỉnh Tây Ninh còn 4 quận: Phú Khương, Phước Ninh, Hiếu Thiện và Khiêm Hanh, với 8 tổng, 46 xã.

1. Xem: Sắc lệnh số 124 NV ngày 15-10-1963.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, do nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Tây Ninh đã nhiều lần sắp xếp lại địa giới hành chính huyện, xã cho phù hợp với tình hình mới, gồm 7 huyện và 1 thị xã. Đến năm 1989, thành lập huyện mới Tân Châu trên phần đất của hai huyện Tân Biên và Dương Minh Châu. Hiện nay, Tây Ninh có 8 huyện và 1 thị xã với 5 phường, 8 thị trấn và 82 xã.

Tỉnh Tây Ninh thuộc miền Đông Nam Bộ, diện tích tự nhiên là 4.035,45km². Phía bắc và tây giáp Vương quốc Campuchia với đường biên giới dài 240km, phía nam giáp Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An, phía đông giáp hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước.

Tây Ninh có địa hình tương đối bằng phẳng ở diện rộng, với xu hướng nghiêng dần từ phía bắc xuống phía nam. Dạng địa hình cao trung bình so với mặt biển từ 20m đến 60m, chủ yếu ở phía bắc tỉnh. Dạng trung bình có độ cao từ 10m đến 20m từ thị xã xuống Gò Dầu, Trảng Bàng. Dạng địa hình thấp, có độ cao trên 5m là vùng đất ven sông Vàm Cỏ Đông, sông Sài Gòn và các rạch phụ lưu của hai sông này. Trên dạng địa hình tổng thể nổi lên ngọn núi Bà Đen cao 986m, là ngọn núi cao nhất Nam Bộ, giống như chiếc nón lá khổng lồ úp giữa cánh đồng bạt ngàn xanh tốt. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, khu vực núi Bà Đen là địa điểm tốt để cho các cơ sở đảng hoạt động khi bị lộ, bị kẻ thù khủng bố, tạm rút về đây ẩn náu chờ thời cơ. Sau này, đế quốc Mỹ lợi dụng đỉnh cao núi Bà Đen để đặt trạm viễn thông nhằm khống chế của ngõ phía tây bắc Sài Gòn, miền Đông Nam Bộ và phía đông Campuchia. Nơi đây đã diễn ra những trận chiến đấu ác liệt giữa ta và địch để giành giật lẫn nhau từng triền núi, hang đá.



Bản đồ hành chính tỉnh Tây Ninh

Khí hậu Tây Ninh mang những nét của khí hậu nhiệt đới, nóng ẩm quanh năm, nhiệt độ trung bình 27°C, lượng mưa trong năm là 1.797,2mm, số giờ nắng trung bình khoảng 213giờ/tháng và độ ẩm trung bình là 84,9%¹.

Được thiên nhiên nhiệt đới ưu đãi, rừng và các sinh vật khác phát triển nhanh, đa dạng và phong phú. Rừng có nhiều gỗ quý như cẩm lai, giáng hương, cẩm xe, dầu, chò, sao, gõ, v.v. không những nhiều về chủng loại mà còn giàu về sản lượng, có nơi đạt từ 100 đến 200m³ gỗ tròn/ha. Rừng còn có nhiều loại thuốc nam quý giá và nhiều loại thông dụng như hà thủ ô, mã tiền, ké đầu ngựa... được dùng rộng rãi trong việc trị bệnh và bồi dưỡng sức khỏe cho nhân dân. Rừng có nhiều loại cây ăn quả như trường, mít, gùi... và hàng trăm loại cây có thể dùng làm rau ăn. Đi đôi với nguồn tài nguyên thực vật, nguồn tài nguyên động vật ở rừng Tây Ninh cũng khá phong phú, gồm nhiều loại, từ cọp, voi, heo rừng, bò rừng, khỉ... cho đến chim muông. Nhiều loại bò sát cũng được xác định là có thể dùng làm dược liệu rất tốt như các loại rắn, thằn lằn núi, tắc kè, kỳ đà... Đây chính là nguồn thực phẩm dồi dào cho nhân dân ta từ xa xưa, cho bộ đội và nhân dân trong những năm kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Trong chiến tranh, Mỹ - ngụy dùng bom đạn và hoá chất độc để phá hoại rừng làm cho nguồn tài nguyên này bị phá hủy nghiêm trọng. Ngày nay, Tây Ninh tốn nhiều công sức để trả lại màu xanh cho rừng.

Tây Ninh có hai sông lớn chảy qua. Ở phía tây của tỉnh là sông Vàm Cỏ Đông dài 220km bắt nguồn từ Vương quốc Campuchia, băng qua những cánh rừng biên giới chảy vào

1. Số liệu năm 2003.

đất Tây Ninh (dài 180km), xuống tỉnh Long An và đổ ra biển Đông. Dòng sông này rất thuận lợi cho giao thông đường thủy. Trong chiến tranh, sông Vàm Cỏ Đông từng là mồ chôn giặc ngoại xâm, nó là chứng nhân ghi dấu bao chiến công oai hùng của quân và dân Tây Ninh. Ở phía đông có sông Sài Gòn bắt nguồn từ Vương quốc Campuchia dài 250km chảy qua Tây Ninh theo hướng bắc nam. Hiện nay, sông Sài Gòn là nguồn cung cấp nước dồi dào cho hồ Dầu Tiếng, một công trình thủy lợi lớn của cả nước.

II- NHÂN VĂN VÀ XÃ HỘI

Năm 1921, dân số Tây Ninh có khoảng 200.000 người, năm 1942 có 260.000 người, năm 1969 có 335.301 người, năm 1972 có 392.540 người. Sau ngày giải phóng 30-4-1975, dân số có khảng 578.000 người. Theo kết quả tổng điều tra dân số năm 2005, dân số Tây Ninh là 1.027.904 người.

Tây Ninh có khoảng 26 dân tộc sinh sống, trong đó dân tộc chiếm số đông là người Kinh, Khmer, Chăm...

Dân tộc Kinh sống ở Tây Ninh là những người có nguồn gốc từ các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và một số tỉnh từ miền Bắc vào cửa sông Cần Giờ theo đường sông lên Tây Ninh trao đổi hàng hoá với người địa phương rồi dần dần trụ lại đây sinh sống. Dân tộc Kinh phát triển ngày càng đông, yêu cầu mở rộng địa bàn sản xuất ngày càng trở nên cấp bách, do đó họ tiến dần đến vùng Trảng Bàng, Gò Dầu và tận chân núi Bà Đen để khai khẩn đất đai lập xóm làng, hình thành nên những vùng cư dân người Kinh đầu tiên ở Tây Ninh. Trước và trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, dân tộc Kinh luôn thể hiện truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm, đoàn kết với các dân

tộc anh em trong công cuộc giải phóng đất nước. Dân tộc Khmer sống quây quần với nhau trong từng phum, sóc. Họ sống dựa chủ yếu vào hái lượm, đốt nương, tủa rẫy. Thời Pháp thuộc, người Khmer sống chủ yếu ở 4 tổng: Chơn Bà Đen, Taben duyn (Tabel Yul), Băngchơrum và Khăng Xuyên với 15 làng. Sau hai cuộc kháng chiến, chiến tranh tàn phá ác liệt, người Khmer phải di chuyển nhiều nơi, không sống theo từng phum, sóc riêng biệt mà sống chung với người Kinh, phần lớn họ sống ở những vùng rừng và nông thôn hẻo lánh. Dân tộc Chăm đã cùng với người Kinh vùng Trung Trung Bộ di dân về phía nam. Sau đó, định cư ở hai nơi là Châu Đốc và Tây Ninh. Tại Tây Ninh, dân tộc Chăm sống tập trung ở 2 xóm: xóm Chăm Đông Tác (nay thuộc ấp Thái Vĩnh Đông, phường I, thị xã Tây Ninh) và xóm Chăm Tạo Tác (xã Tân Hưng, huyện Tân Châu). Dân tộc Chăm theo đạo Hồi, thuộc giáo phái Islam, không ăn thịt heo và chôn xác chết.

Đồng bào các dân tộc với phong cách sống hào hùng đã đổ ra bao công sức và xương máu để hình thành và giữ gìn mảnh đất Tây Ninh. Dân tộc Kinh sống chan hoà, đoàn kết với các dân tộc anh em trong quá trình sản xuất, chinh phục thiên nhiên, trừ thú dữ và chống giặc ngoại xâm, chống mọi chính sách chia rẽ dân tộc của kẻ thù.

Hoàn cảnh xã hội phức tạp, đời sống kinh tế quá khó khăn, thiên nhiên, thú dữ và giặc cướp hoành hành, chiến tranh xảy ra liên miên, sinh mạng con người bị nhiều mối đe dọa. Vốn hiểu biết của con người về thiên nhiên và xã hội còn nhiều hạn chế, con người còn tin sự che chở của trời Phật, lấy đó làm chỗ dựa tinh thần. Đó là điều kiện để cho ba tôn giáo lớn: Phật giáo, Thiên Chúa giáo và đạo Cao Đài ra đời, tồn tại ở Tây Ninh cho đến ngày nay.

Đạo Phật du nhập vào Tây Ninh cùng với cư dân người Việt, gắn liền với quá trình khai hoang lập ấp, làm ăn sinh sống. Nhiều vị công thần sau khi dẹp giặc xong lui về lập chùa tu niệm, nguyện cầu cho quốc thái, dân an. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, một số chùa cũng là nơi ẩn náu để hoạt động cách mạng của những người yêu nước và cán bộ, đảng viên Đảng Cộng sản; cho nên, đạo Phật gần gũi với nhân dân địa phương, rất nhiều người đi chùa lễ Phật vào các ngày lễ Phật, các ngày rằm quan trọng trong năm, mặc dù họ không phải là tăng ni, Phật tử.

Đạo Thiên Chúa ở Tây Ninh với cơ sở đầu tiên là họ đạo Tha La do một số linh mục¹ trốn chạy lệnh cấm đạo của triều đình Huế lập ra. Năm 1861, thực dân Pháp đánh chiếm Tây Ninh, họ đạo Tha La phát triển mạnh, đã cử nhiều linh mục² lên thành lập họ đạo ở thị xã Tây Ninh và sau đó tiếp tục đi nhiều nơi trong tỉnh để thành lập các họ đạo khác. Một số linh mục Thiên Chúa giáo có quan hệ chặt chẽ với bọn xâm lược Pháp, giữ vai trò khá quan trọng trong việc kìm hãm, cai trị dân ta. Nhưng nhìn chung, tín đồ Thiên Chúa giáo là người Việt Nam yêu nước, họ cùng sống, cùng khổ trong xã hội thuộc địa của thực dân Pháp, đều chịu nhiều tầng áp bức bóc lột và căm thù giặc ngoại xâm. Cho nên, ngoài một số tín đồ bị địch mê hoặc, mua chuộc, thực sự làm tay sai cho giặc chống đối cách mạng, còn đa số tín đồ đã cùng với quần chúng địa phương chịu đựng gian khổ, tìm mọi cách giúp đỡ cán bộ, ủng hộ cách mạng, góp phần vào công cuộc giải phóng dân tộc.

Đạo Cao Đài ra đời năm 1926, do một số quan lại, địa chủ

1. Linh mục Côximô Nguyễn Văn Trí từ Huế trốn vào Tha La (xã An Hoà, Trảng Bàng) cùng một số linh mục khác lập họ đạo Tha La.

2. Linh mục Simon (Sĩ), Linh mục Creuset (Nghiêm).

khởi xướng thành lập và được thực dân Pháp cho phép. Họ bày ra việc lập đàn cầu cơ, một thủ đoạn lừa mị để lôi kéo nông dân yêu nước, chưa có sự lãnh đạo đúng, bị đàn áp không lối ra. Cầu cơ là hoạt động để con người liên hệ trực tiếp với thần linh, qua đó xin các đấng siêu nhiên ban cho con người ta những điều cơ mật. Ban đầu người ta sử dụng đàn cầu cơ với nhiều mục đích khác nhau, nhưng dần đã thành cơ sở cho sự ra đời của đạo Cao Đài. Nhiều hoạt động trọng yếu của đạo, như quy định nghi lễ, sắp đặt tổ chức đạo và đặc biệt là phong thăng các chức sắc cao cấp của đạo đều điều hành thông qua cầu cơ.

Quá trình phát triển của đạo Cao Đài còn “gắn liền với một đặc điểm khá điển hình, đó là thành lập các tổ chức mang màu sắc chính trị với những xu hướng đối lập nhau, tham gia cách mạng hoặc chống đối cách mạng”¹.

Đối với tầng lớp chức sắc cao cấp, trừ một bộ phận có tinh thần dân tộc, còn một số mượn danh nghĩa đạo để hoạt động nhằm mục đích chính trị riêng. Họ đã tiếp tay cho thực dân Pháp, đế quốc Mỹ chống lại cách mạng, đi ngược lại quyền lợi dân tộc. Quần chúng tín đồ có bị lợi dụng làm tay sai cho giặc, nhưng tuyệt đại tín đồ nông dân có tinh thần yêu nước và căm thù bọn bóc lột, khi hiểu được lẽ phải, nhận ra kẻ thù cướp nước và bè lũ tay sai, quần chúng tín đồ sẵn sàng theo cách mạng, cùng toàn dân đánh đuổi bọn thực dân, đế quốc và bè lũ tay sai.

Trong hai cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, chúng đều có âm mưu thủ đoạn lợi dụng khối

1. *Lý luận về tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2007, tr. 262.

quần chúng tín đồ Cao Đài để chống cách mạng. Tuy có thủ đoạn khác nhau, nhưng âm mưu cơ bản của chúng là mua chuộc, lợi dụng, lôi kéo, rúng ép, khống chế, kìm giữ nắm khối quần chúng tín đồ phục vụ âm mưu xâm lược của chúng. Trước tình hình đó, chính sách đối với đạo Cao Đài được Đảng ta quan tâm thực hiện từ năm 1952 và được xem là bước ngoặt đánh dấu sự hình thành chính sách Cao Đài vận của Đảng. Chính sách Cao Đài vận là nhiệm vụ quan trọng đối với phong trào cách mạng ở Tây Ninh đã được Đảng bộ Tây Ninh chú trọng thực hiện trong những năm còn lại của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và suốt 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mùa xuân 1975, với Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta giành thắng lợi hoàn toàn. Tây Ninh được giải phóng, toàn bộ khối quần chúng Cao Đài được giải phóng. Trong tiếp quản, quần chúng tín đồ sôi nổi tham gia các phong trào cách mạng, góp phần đắc lực ổn định trật tự trị an trong vùng Tòa Thánh Cao Đài. Những hoạt động tôn giáo mang nặng màu sắc mê tín dị đoan như cầu cơ được đạo Cao Đài tuyên bố chấm dứt hoạt động. Những hoạt động chống phá cách mạng thông qua việc lợi dụng đạo Cao Đài vẫn còn xảy ra, nhưng đã bị nhân dân và chính quyền cách mạng phát hiện, triệt phá.

Đối với hàng chức sắc cao cấp của đạo Cao Đài, khi mới giải phóng họ ngỡ ngàng, bàng hoàng, người có quan hệ với Mỹ, ngụy sợ ta trả thù, bản khoán không biết được tự do tín ngưỡng hay không. Chính quyền cách mạng kịp thời ổn định tư tưởng bằng cách mở liên tiếp các cuộc hội thảo, mítting để họ hiểu rõ chính sách tôn giáo của Đảng, nên họ trở lại sinh hoạt bình thường. Đa số quần chúng tín đồ bị kìm kẹp, đầu độc về tư tưởng rất nặng, nhưng họ hầu hết là quần chúng

nông dân, người lao động, lớp nghèo thành thị nên dễ tiếp thu chính sách, tham gia xây dựng chính quyền, giữ gìn trật tự trị an trong vùng Tòa thánh.

Thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước có những quan điểm, chính sách đổi mới đối với tôn giáo, trong đó có đạo Cao Đài, cho nên hoạt động của đạo Cao Đài cũng khởi sắc. Quyền tự do tín ngưỡng được bảo đảm hơn bao giờ hết.

Giáp với Vương quốc Campuchia, biên giới Tây Ninh là khu căn cứ địa của cả Nam Bộ, vừa kháng chiến chống giặc ngoại xâm để giải phóng Tổ quốc mình, vừa làm nghĩa vụ quốc tế với cách mạng Campuchia. Lúc cách mạng Tây Ninh gặp khó khăn, bạn đã cho lực lượng của ta đứng chân trên đất Campuchia chiến đấu, có khi Trung ương Cục miền Nam cũng đứng chân trên đất bạn để tiếp tục chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ. Ngược lại, khi cách mạng Campuchia gặp khó khăn, lực lượng vũ trang Tây Ninh không tiếc xương máu của mình, nhiều cán bộ, chiến sĩ đã ngã xuống trên đất bạn vì nghĩa vụ quốc tế trong sáng, cao cả. Từ ngày Việt Nam và Campuchia được hoàn toàn giải phóng, mỗi nước xây dựng đất nước theo con đường do Đảng mỗi nước đã chọn. Tây Ninh đã thực hiện theo đường lối đối ngoại của Đảng ta là độc lập, chủ quyền và đoàn kết hữu nghị. Nhưng về phía Campuchia, do có sự xúi giục của bên ngoài, Tập đoàn Pôn-pốt đã tiến hành cuộc diệt chủng dân tộc họ và lấn chiếm biên giới Tây Nam của Tổ quốc ta từ tháng 5-1975. Tháng 9-1977, chúng đã mở cuộc chiến tranh xâm lược đất nước ta trên toàn tuyến biên giới Tây Nam, trong đó có đoạn biên giới Tây Ninh.

Cùng với đặc điểm của vùng biên giới, Tây Ninh còn là tỉnh căn cứ địa cách mạng của Phân liên khu uỷ miền Đông, Xứ uỷ, sau là Trung ương Cục miền Nam, qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, địch đánh

vào đây có tính chất hủy diệt (có đến 60/73 xã bị tàn phá hoàn toàn bởi chiến tranh). Do đó, nhiệm vụ cách mạng của Tây Ninh hết sức nặng nề, vừa chiến đấu diệt địch, vừa bảo vệ căn cứ địa cách mạng của Trung ương Cục miền Nam.

Tây Ninh là tỉnh nghèo, trước giải phóng kinh tế của tỉnh không có cơ sở vật chất nào đáng kể về công nghiệp, ngoài một số cơ sở tiểu thủ công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Tây Ninh có Quốc lộ 22A và 22B, trong chiến tranh bị tàn phá nham nhở, các trục lộ của tỉnh, liên tỉnh bị gián đoạn hoàn toàn. Bước vào giai đoạn mới, Tây Ninh là tỉnh nông nghiệp, xuất phát điểm rất thấp so với các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Với những khó khăn đó, Đảng bộ Tây Ninh có sự nỗ lực rất lớn để xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

III- TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH BẤT KHUẤT CHỐNG GIẶC NGOẠI XÂM

Quá trình hình thành và phát triển của tỉnh Tây Ninh gắn liền với quá trình đấu tranh gay go, ác liệt chống giặc ngoại xâm.

Những ngày đầu giữ gìn biên cương của Tổ quốc, ba anh em Huỳnh Công Giản (Ông lớn Trà Vong), Huỳnh Công Thắng và Huỳnh Công Nghệ liên tục chống giặc quấy nhiễu biên giới. Công lao của các tướng lĩnh đã đành, nhưng công lao và tinh thần yêu nước bất khuất chống giặc ngoại xâm bảo vệ quê hương của nhân dân Tây Ninh cũng hết sức oanh liệt.

Nhân dân Tây Ninh đã biết phát huy truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm của tổ tiên ta, với tinh thần “giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”, với hậu cần tại chỗ, tự tạo ra các loại vũ khí đánh giặc. Điển hình như việc sử dụng ở địa

phương loại dầu trong¹ nấu sôi dùng ống thụt bắn dầu sôi chống giặc rất hiệu quả ở thời kỳ chống giặc bằng giáo mác. Giặc cướp rất sợ loại vũ khí này. Rừng Tây Ninh cũng là căn cứ từ xưa của nghĩa quân “xuất quỷ nhập thần” chống giặc.

Năm 1859, giặc Pháp đánh chiếm Gia Định. Tháng 8-1860, Nguyễn Tri Phương được vua Tự Đức cử vào Gia Định nhận chức Thống đốc Quân vụ Đại thần, tổ chức xây dựng phòng tuyến Đại Đồn ở Chí Hoà để ngăn giặc Pháp. Hưởng ứng lời kêu gọi của Nguyễn Tri Phương, nhân dân Gia Định và các vùng xung quanh đã tình nguyện dốc sức xây dựng Đại Đồn một cách nhanh chóng. Tuy nhiên, do chủ trương “lấy chủ đợi khách”² của Nguyễn Tri Phương, Đại Đồn thất thủ (ngày 25-2-1861). Sau đó, trong thế thắng, thực dân Pháp mở rộng cuộc chiến ra các tỉnh miền Đông, chúng chiếm Trảng Bàng, Tây Ninh.

Khi thực dân Pháp đánh chiếm Gia Định, lãnh binh Tòng³ đã từng điều binh ra chống Pháp. Năm 1861, ông đưa gần 300 quân đến chi viện cho đồn Chí Hoà. Quân của lãnh binh Tòng phải vượt qua các chốt chặn của địch ở Hóc Môn, Bà Điểm, Bà Quẹo, bị tiêu hao một số quân, còn hơn phân nửa đến được Đại Đồn tham gia chiến đấu. Sau khi quân Pháp phá được Đại Đồn, lãnh binh Tòng tập hợp số quân còn lại rút về Trảng Bàng. Biết thế nào quân Pháp cũng lên đánh chiếm Tây Ninh, ông lo củng cố lại lực lượng, xây dựng tuyến

1. Dầu được rút ra từ đốt bọng các cây dầu trong rừng.

2. Tức giữ thế thủ bị động nhường thế công cho giặc.

3. Lãnh binh Tòng, tức Đặng Văn Tòng là con của ông Đặng Văn Trước, người có công đầu trong việc xây dựng nên làng Gia Lộc, Trảng Bàng. Ông Tòng giỏi võ nghệ và mưu lược, ông nhậm chức Lãnh binh dưới triều vua Tự Đức và được giao nhiệm vụ trấn thủ biên giới Việt - Miên.

phòng thủ từ xa, nhưng vũ khí thiếu nhiều, lại không được sự chi viện của triều đình, song ông và quân sĩ vẫn quyết tâm chống giặc đến cùng để bảo vệ quê hương.

Quân Pháp tiến đánh Trảng Bàng, quân của lãnh binh Tòng kháng cự quyết liệt, nhưng binh lực ít, tuyến phòng thủ ngoài xa của ông chỉ chống giữ được trong một ngày đã bị quân Pháp phá vỡ; nghĩa quân của ông đành rút vào Tha La (An Hoà, Trảng Bàng) ẩn tránh. Ông cùng hai tùy tùng ở trong nhà một hương chức theo đạo Thiên Chúa. Tại đây, ông phát hịch chiêu mộ quân đánh giặc. Vị hương chức chủ nhà cũng tích cực vận động dân chúng trong xóm đạo cũng như ngoài xóm hưởng ứng cho con em tòng quân giết giặc. Công việc mới triển khai được hai ngày thì bị lộ vì có kẻ phản bội, bí mật trốn ra Trảng Bàng và chỉ điểm cho quân Pháp về An Hoà bao vây căn nhà ông đang ở. Bọn Pháp đã bắn chết vị hương chức chủ nhà và người tùy tùng của ông, đồng thời bắt lãnh binh Tòng và một tùy tùng khác.

Thực dân Pháp cấp tốc đưa ông về Sài Gòn. Tại Sài Gòn, chúng dụ dỗ ông về quy thuận, hứa sẽ ban chức tước và cho ông tiếp tục cai quản vùng Trảng Bàng. Nhưng chúng không thuyết phục được, phải đày ông đi biệt xứ ra đảo Guyane¹. Sau một thời gian, ông mất tại đảo này.

Khi Tây Ninh bị quân Pháp tiến chiếm, ông Khâm Tấn Tường giữ chức Tham tán Quân vụ ở Phủ Tây Ninh, đã không tuân lệnh bãi binh của triều đình, ông rút về An Cơ², chiêu mộ nghĩa quân, mua sắm vũ khí, lương thực, bám lấy địa hình thuận lợi của rừng, tổ chức chống Pháp. Thành An Cơ

1. Đảo Guyane (thuộc Pháp), nơi dành giam giữ những tù nhân nguy hiểm.

2. Ngày nay thuộc xã An Cơ, huyện Châu Thành.

có bề mặt bờ thành rộng khoảng 2m, bờ thành có chiều dài hàng mấy cây số, bao bọc một khu đất rộng, ba mặt thành dựa vào khúc cong của sông Sóc Om, trên mặt tiền bờ thành cao có lũy tre dày kiên cố. Quân sĩ bố trí hai cánh giữ thành chống lại giặc Pháp. Với cách đánh, một là dùng gỗ treo trên cao cho lao xuống - hai là dùng dầu chai nấu sôi, thụt bắn dầu ra xa, được gọi là cách đánh “hoả hồ”.

Quân Pháp từ Tây Ninh tấn công lên An Cơ, bị nghĩa quân Khâm Tấn Tường đánh bị thương và chết khá nhiều, buộc phải rút lui bỏ lại xác đồng bọn. Trận sau, thực dân Pháp tăng cường thêm lực lượng tinh nhuệ, tấn công nhiều mặt vào thành An Cơ, mặt sau thành do Hương tràm Hạt (ở Tầm Long), tay sai quân Pháp dẫn đường. Lần này chúng phá được thành, ông Khâm Tấn Tường không để cho giặc bắt, đã tử tiết tại chỗ. Nhân dân kính phục, thương xót, đưa thi hài ông về chôn cất tại Bến Thứ và lập miếu thờ ông tại đây.

Trong quân ngũ của ông Khâm Tấn Tường còn có nhiều lãnh binh chống thực dân Pháp vô cùng oanh liệt. Tiêu biểu là lãnh binh Két. Nhân dân ở Trảng Bàng và Bến Cầu truyền tụng nhiều về chuyện lãnh binh Két đánh Pháp¹. Ở vùng Long Giang, Long Khánh (huyện Bến Cầu ngày nay) lúc bấy giờ đều là rừng, nghĩa quân của ông lãnh binh Két đã lợi dụng rừng cây rậm rạp và đêm tối trời để tấn công các đồn giặc. Ông đưa quân bám sát và theo dõi các đồn quân Pháp, khi thấy sơ hở lập tức điều quân bất thần đột kích vào đồn, phóng hoả đốt đồn và dùng gươm giáo, mũi tên tẩm thuốc

1. Theo : Ban Tổng kết chiến tranh tỉnh Tây Ninh: *Lược sử Tây Ninh*, 1986, ở phần chú thích trang 65 có ghi: “cụ Tám Độ (ở xóm Khách, xã Long Giang) có nghe cha nhắc về lãnh binh Két, còn gọi là ông Thần Đầu Đỏ ở vùng Long Giang”.

độc tiêu diệt giặc Pháp, làm cho giặc Pháp trở tay không kịp và sau đó rút lui nhanh về rừng rậm khi trời đang còn tối. Khi giặc Pháp tập trung quân truy lùng, lãnh binh Két cho quân phân tán thành nhiều nhóm nhỏ ở trong dân, tránh đụng độ trực tiếp với giặc. Quân Pháp không tài nào phát hiện được quân của lãnh binh Két. Cứ như thế quân của ông đã nhiều lần tập kích vào các đồn giặc đóng lẻ tẻ ở Gò Dầu, Trảng Bàng..., gây cho chúng không ít tổn thất về vật chất và sinh mạng. Sau khi lãnh binh Két mất, nghĩa quân của ông cũng không thấy hoạt động nữa.

Trong 5 năm 1861-1866, trên đất Gia Định, Biên Hoà và Định Tường có nhiều cuộc nổi dậy đánh Pháp. Nổi bật nhất là cuộc nổi dậy của Trương Định.

Sau khi Trương Định hy sinh ở rừng lá Gò Công, cháu của ông là Trương Quyền¹ tiếp tục đứng lên chống Pháp. Ông đưa nghĩa quân về rừng Tây Ninh, lập căn cứ ở Bàng Dung (Phước Vinh) và liên kết với nghĩa quân PôkumPô² để chống Pháp.

Sau thời gian chuẩn bị lực lượng, Trương Quyền thấy phải chiếm tỉnh lỵ Tây Ninh làm bàn đạp tiến về Sài Gòn. Trận đánh diễn ra vào ngày 7-6-1866. Lính Pháp ở đồn Cầu Quan thấy đám đông hàng nghìn người tiến về tỉnh lỵ, viên Đại úy Đồn trưởng Savin de Larclauze chủ quan lệnh cho Đại úy Pinault đem quân đến đàn áp. Cậy có vũ khí tối tân,

1. Trương Quyền là con thứ của ông Trương Công Vạn, tên chính là Trương Công Sách, còn có tên là Trương Huệ, Trương Quyền. Dòng họ Trương Quyền vẫn giữ gia phả. Trương Quyền khi chết được chôn ở rừng Bến Kéo. Sau năm 1954, ông Trương Công Trí là cháu đã bốc mộ đem về chôn tại xã Hoà Hội, huyện Châu Thành.

2. PôkumPô là nhà yêu nước Campuchia.

Savin de Larclauze hung hăng cùng Thiếu úy Lesage dẫn 20 lính trong đồn xông ra định giải tán đám đông quân chúng ở Bến Trường Đồi (cách Cầu Quan trên 1km). Không ngờ hần bị quân chúng bao vây, chặn đường rút lui về đồn. Hoảng sợ, hần liền rút súng bắn vào đám đông làm vài người bị thiệt mạng. Hần tưởng quân chúng sẽ hốt hoảng bỏ chạy, không dám chống lại, nhưng lập tức hần bị giết ngay. Tên thiếu úy Lesage thúc quân xông tới, bắn loạn xạ không tiếc đạn vào quân chúng. Nhưng chỉ mấy phút sau, khối quân chúng ủa tới giết chết hần cùng 9 tên lính Pháp, số còn lại sợ hãi vội vàng tháo chạy về đồn.

Quan binh Pháp ở Tây Ninh hoảng sợ, tên đại úy Pinault cấp báo về Gia Định xin viện binh. Thống đốc Nam Kỳ là Đô đốc De la Grandière phái hai đạo thủy quân và lục quân do Thiếu tá Marchaise chỉ huy từ Sài Gòn lên cứu nguy cho đồng bọn ở Tây Ninh.

Đến Tây Ninh, Marchaise thấy bốn bề yên tĩnh, không biết nghĩa quân của Trương Quyền ở đâu. Hần tổ chức hành quân truy kích, lùng sục khắp vùng 6 ngày cũng không tìm thấy, đến 3 giờ chiều ngày 14-6-1866, chúng mới đụng độ nghĩa quân tại Rạch Vịnh. Trận chiến này đã được báo tiếng Pháp "*Tin tức Sài Gòn*"¹ đăng tải khá tỉ mỉ: "Kích thích bởi lòng căm thù đối với những kẻ thù (nghĩa quân) cho đến lúc bấy giờ không thấy mặt, những người lính của chúng ta (quân Pháp) đã mở ra tuyến tấn binh và vượt suối để lao tới. Họ gặp một cánh đồng lầy và ở đó họ chịu đựng một trận đánh không cân sức với một lực lượng có số quân đông áp đảo."

Thế là, chiến trận đẫm máu đã diễn ra, trong đó người ta

1. Xem: Báo *Tin tức Sài Gòn*, số ra ngày 20-8-1866.

phải đánh giáp lá cà, Thiếu tá Mazchaise bị giết tại Rạch Vịnh. Đến 5 giờ chiều quân Pháp không còn nghĩ đến việc ở lại giữa cái đầm lầy này để bao vây đối phương nên đã rút về, và mãi đến 3 giờ sáng hôm sau mới đến được nơi đồn trú”.

Một lần nữa quân Pháp thất trận và phải mở đường máu chạy về đồn Tây Ninh với tinh thần hoang mang lo sợ. Bất thần đêm 23-6-1866, Trương Quyền đưa quân tấn công vào Sài Gòn theo hai cánh:

Cánh quân thứ nhất do Trương Quyền trực tiếp chỉ huy đột nhập vào vùng Chợ Lớn, thọc sâu vào đồn Thuận Kiều, đánh giáp lá cà với bọn kỵ binh, diệt nhiều quân Pháp. Đến rạng sáng hôm sau (ngày 24-6-1866), nghĩa quân tiêu diệt hết quân Pháp trong đồn. Quân Pháp tiếp viện ngày càng đông. Cuộc chiến đấu quanh đồn Thuận Kiều diễn ra thêm ác liệt giữa ban ngày nên không thuận lợi cho nghĩa quân, Trương Quyền đã mưu trí cho quân rút khỏi đồn Thuận Kiều.

Cánh quân thứ hai thọc sâu vào Hóc Môn - Bà Điểm, tấn công vào quân Pháp đồn trú tại đây, quân Pháp từ Gia Định, Gò Vấp lên tiếp viện, nghĩa quân đánh nhau với giặc cho tới sáng rồi mới rút về Củ Chi.

Cuộc tập kích của nghĩa quân Trương Quyền làm chấn động cả Gia Định, nhất là chiến thắng ở đồn Thuận Kiều đã làm cho quân Pháp tổn thất lớn.

Sau chiến thắng đồn Thuận Kiều, Trương Quyền cho nghĩa quân rút về Tây Ninh, phối hợp với nghĩa quân PôkumPô tiếp tục chống Pháp.

Ngày 2-7-1866, quân Pháp điều quân đánh vào căn cứ của nghĩa quân. Nghĩa quân đã bám sát giặc và tấn công vào lúc 12 giờ trưa hôm ấy tại cánh rừng nhỏ ở Trà Vong. Bị tổn thất nặng, quân Pháp hốt hoảng bỏ chạy. Trưa hôm sau,

chúng lại rơi vào trận phục kích khác trên đường về. Đêm ấy, nghĩa quân Việt - Khmer đánh vào Tây Ninh, đốt phá công sở của bọn lính Pháp và nhà cửa của những tên tay sai.

Bị thua đau, quân Pháp từ Sài Gòn tăng viện cho Tây Ninh thêm 200 lính Pháp, 100 lính tập, 50 lính thủy. Chúng tăng cường truy tìm căn cứ của liên quân Việt-Khmer để hoạch định một trận đánh lớn. Không phát hiện nơi đóng quân của Trương Quyền, chúng quay sang tấn công vào Rạch Vịnh, nơi chúng đoán là căn cứ của PôkumPô.

Giữa tháng 7-1866, quân Pháp tấn công vào Rạch Vịnh. Trước tiên chúng cho pháo bắn dọn đường, đoàn kỵ binh tiến trước, quân lính tiến theo. Hai bên giao chiến tại Rạch Vịnh hơn nửa ngày, quân Pháp có ưu thế về lực lượng, có pháo binh yểm trợ, binh lính nhiều đạn dược, căn cứ PôkumPô bị trúng pháo, các ổ súng đồng cũng bị hư hại, nghĩa binh bị thương và hy sinh khá nhiều. Trong tình thế bất lợi, PôkumPô quyết định phân tán nhỏ lực lượng để tránh mũi nhọn tấn công của giặc Pháp. Sau đó, PôkumPô rút về Campuchia.

Trong khi đó, Trương Quyền và nghĩa quân của ông khôn khéo khi ẩn, khi hiện ở nhiều nơi, khi đánh ở phía nam tỉnh, khi đánh ở phía bắc tỉnh. Về sau Trương Quyền yếu hấn, nghĩa quân tan rã vì thiếu vũ khí, lương thực, thuốc men, đạn dược không có, ông về rừng Bến Kéo lập trại dưỡng bệnh và mất năm 1871 ở Bến Kéo.

Cuộc chiến đấu oanh liệt của Trương Quyền và nghĩa quân của ông đã làm cho quân Pháp trả giá khá đắt về sinh lực mới tạm dẹp yên được cuộc nổi dậy trên đất Tây Ninh.

Tiếp theo nghĩa quân Trương Quyền còn có các tổ chức yêu nước khác như Thiên Địa hội do ông Hồ Văn Chu đứng đầu ở An Tịnh, Trảng Bàng; ông Nguyễn Văn Phát ở An Hoà

và nhiều vị khác ở Gia Bình, Vàm Trảng... nổi lên hoạt động, nhưng không thu được kết quả gì đáng kể.

Tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm của nhân dân Tây Ninh dưới sự lãnh đạo của các quan lại địa phương đã phát triển mạnh mẽ và rộng khắp trong toàn tỉnh, nhưng không làm xoay chuyển được tình thế, bởi so sánh tương quan lực lượng quá chênh lệch, một bên là nhân dân yêu nước đã bị triều Nguyễn giao nộp ba tỉnh miền Đông cho giặc Pháp từ năm 1862, lại phải đương đầu với đội quân viễn chinh của thực dân Pháp.

Đất Tây Ninh dần mất vào tay bọn xâm lược Pháp, nhưng truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm của dân Tây Ninh được tôi luyện, phát huy mạnh mẽ khi có ánh sáng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào Tây Ninh.

IV- KINH TẾ - XÃ HỘI TÂY NINH DƯỚI SỰ CAI TRỊ CỦA THỰC DÂN PHÁP

Song song với việc hành quân đánh dẹp các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Tây Ninh, thực dân Pháp lần lượt thiết lập bộ máy cai trị. Chúng đặt tòa tham biện ở Trảng Bàng và Tây Ninh; xây dựng bộ máy tề ngụy tay sai từ tỉnh, quận xuống tổng, xã, đưa bọn địa chủ phong kiến phản động vào bộ máy này.

Sau khi thiết lập bộ máy cai trị, thực dân Pháp bắt tay vào việc vơ vét khai thác tài nguyên của Tây Ninh. Nguồn lợi thiên nhiên chủ yếu của Tây Ninh lúc bấy giờ là lâm sản. Diện tích rừng chiếm phân nửa diện tích đất toàn tỉnh, hầu hết là rừng già. Nhiều nơi, một héc-ta rừng có thể cho khối lượng gỗ từ 100 đến 200m³. Khai thác gỗ ở đây rất dễ vì địa hình bằng phẳng, tiện lợi cho việc vận chuyển. Thực dân

Pháp thấy rõ nguồn lợi kinh tế nói trên, đã thiết lập ngay bộ máy kiểm lâm đồ sộ và chặt chẽ. Ở tỉnh có Sở Kiểm lâm, bên dưới chia thành 7 quận kiểm lâm với nhiều đồn kiểm lâm. Ở mỗi quận kiểm lâm có một sếp quận thường gọi là "Quan lớn Kiểm" cùng một số viên chức có nhiệm vụ cấp giấy phép khai thác và thu thuế các loại lâm sản. Mỗi đồn kiểm lâm thường có một tên đội, chuyên theo dõi, bắt giữ, phạt vạ những người làm rừng sai quy cách hoặc ăn tiền đút lót của những người làm rừng trái phép.

Cùng với việc khai thác lâm sản, thực dân Pháp còn bao chiếm nhiều đất đai, lập các đồn điền cao su. Năm 1906, Công ty cao su Đông Dương (S.I.P.H) được thành lập. Công ty này chiếm đất lập ra hàng loạt đồn điền cao su, trong đó có đồn điền cao su Bến Củi. Công ty cao su Tây Ninh thành lập năm 1913, có trụ sở ở Sài Gòn, hoạt động của công ty là kinh doanh đồn điền cao su ở Tây Ninh, với các đồn điền cao su Vên Vên, Trà Võ, Hiệp Thạnh, Cầu Khởi. Một số tư sản người Pháp được sự bao che của chính quyền thực dân cũng bao chiếm đất lập ra một số đồn điền cao su khá lớn như: Sở Arnault (xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu), Sở Oconell (xã Thanh Điền, Châu Thành), Sở Sina (xã Phước Thạnh, Gò Dầu), Sở Francini (xã Ninh Thạnh, Châu Thành), Sở Servin (xã Thái Bình, Châu Thành). Địa chủ người Việt cũng có một số sở cao su nhỏ từ 15-20ha, như: An Tịnh có 13 sở, Lộc Hưng có 16 sở, Gia Lộc có 20 sở. Từ Thanh Phước, Phước Thạnh đến Bàu Đồn, đông tây lộ 19, 26 cho đến Cây Xuyên, Thanh Điền, Thái Bình, Đôn Thuận đều có trồng cao su.

Các đồn điền cao su đem lại nguồn lợi rất lớn cho chính quyền thuộc địa và bọn chủ tư bản người Pháp.

Ngoài việc bóc lột, vơ vét thông qua khai thác lâm sản (chủ yếu là gỗ) và mở đồn điền cao su, thực dân Pháp còn

thực hiện một chế độ thuế khoá hết sức nặng nề. Thuế là nguồn thu chính cho ngân sách toàn Đông Dương và Nam Kỳ cũng như ngân sách tỉnh, vì vậy chúng đặt ra đủ loại thuế: thuế điền thổ, thuế nhà cửa, thuế trâu bò, thuế môn bài và cả thuế thân (còn gọi là thuế đinh hoặc sưu, loại thuế đánh vào đàn ông từ 18 đến 60 tuổi). Thống đốc Nam Kỳ quy định mức thuế hàng năm tỉnh phải nộp cho ngân sách chung thường là rất nặng, đồng thời cho phép nếu không thu đủ thì tăng thuế, thậm chí tạo thêm các loại thuế mới để thu¹.

Đi đôi với vợ vét bóc lột kinh tế, bọn thống trị còn thực hiện chính sách ngu dân, đầu độc văn hoá. Toàn tỉnh chỉ có ba trường tiểu học hoàn chỉnh² với khoảng 400 học sinh, hầu hết là con em của tầng lớp trên. Ở xã chỉ có một lớp vỡ lòng hoặc lớp một, nhưng xã có, xã không. Vài ba xã mới có chung một trường dạy lớp ba. Do vậy, con em nhân dân lao động hầu như chịu cảnh mù chữ hoặc chỉ biết đọc, biết viết. Ngược lại, rượu "Phôngten" được nhà nước thực dân khuyến khích dân uống, đại lý bán lẻ ở khắp nơi. Tệ nạn cờ bạc, mê tín dị đoan tràn lan khắp xóm ấp, chỗ nào cũng có sòng bạc ngày đêm sát phạt lẫn nhau.

Thực hiện chính sách "chia để trị", thực dân Pháp gây tâm lý hận thù dân tộc giữa người Việt và người Khmer, người Chăm, gieo rắc tư tưởng khinh bỉ, kỳ thị, phân biệt đối xử với các dân tộc thiểu số. Ngoài ra chúng còn lợi dụng tính chất

1. Từ năm 1936 đến năm 1940, ngân sách toàn Đông Dương tăng từ 80 triệu đồng lên 134 triệu đồng, thuế đất từ 1 đồng năm 1930 tăng lên 8 đồng năm 1939.

2. Một trường ở thị xã Tây Ninh, một trường ở thị trấn Trảng Bàng và một trường ở thị trấn Gò Dầu, nay không còn nữa.

phác của người Khmer, người Chăm mà thẳng tay vơ vét, bóc lột, đẩy họ vào cảnh sống quanh năm cơ cực, lầm than.

Những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, ở Tây Ninh xuất hiện một số cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp như xưởng chế biến mía đường Thanh Điền, nhà máy đèn, nhà máy nước thị xã, cơ sở xay xát gạo, trại cưa, lò rèn, lò gốm, lò than, che ép mía, bọng ép dầu... Theo đó, bắt đầu xuất hiện một thành phần xã hội mới là công nhân làm thuê, lúc đầu số lượng không nhiều, có khoảng trên dưới 1.000 người, trong đó hơn 2/3 là bán công. Vào những năm đầu thế kỷ XX, nhiều đồn điền cao su lớn nhỏ ra đời trên địa bàn Tây Ninh, kèm theo các xưởng chế luyện cao su Vên Vên, Bến Củi được xây dựng; từ đó, xuất hiện công nhân đồn điền cao su. Khoảng giữa năm 1936, khi các đồn điền cao su mở rộng đến 8.622ha, số công nhân tăng lên đến 3.500 người bán công, bán nông và 1.550 công nhân chuyên nghiệp. Đội ngũ công nhân cao su bị chính quyền thuộc địa và bọn chủ tư bản bóc lột tàn tệ. Họ gồm có dân tại chỗ và những phu mộ từ miền Bắc, miền Trung vào làm theo chế độ *contrat*¹ vô cùng hà khắc. Họ bị cảnh ngộ trói buộc, vừa phải lao động hết sức nặng nhọc, mỗi ngày làm việc từ 10 đến 14 giờ, mà đời sống vô cùng cơ cực, cơm ăn không đủ no, quần áo rách rưới, chỗ ở chật chội, nóng bức, bẩn thỉu, ốm đau không có thuốc uống, không được đi điều trị ở bệnh viện, hết hạn "*contrat*" cũng không thể trở về quê nhà. Không những thế, bọn chủ và xếp cai còn trút lên đầu họ roi vọt, tra tấn nếu bỏ trốn.

Tây Ninh lúc đó là nơi đất rộng người thưa. Nông dân chiếm trên 80% dân số, là những người trực tiếp khai vỡ đất đai, nhưng không được làm chủ mảnh đất của mình, vì đất

1. *Contrat* có nghĩa là "hợp đồng".

phù sa mới nhiều phen khó canh tác, một số ruộng tốt đều tập trung trong tay bọn địa chủ, công chức kiêm địa chủ, thương gia kiêm địa chủ. Do đó, người nông dân Tây Ninh dưới thời thuộc Pháp cũng bị bóc lột hết sức nặng nề thông qua các hình thức thuế khoá rất hà khắc và dã man, nhất là thuế thân.

Dưới sự thống trị của thực dân Pháp, xã hội Tây Ninh có sự phân hóa thành các giai tầng rõ rệt. Trong đó, công nhân và nông dân là thành phần chủ yếu, ngoài ra còn có các tầng lớp tư sản, địa chủ, trí thức, tiểu tư sản thành thị.

Tầng lớp tư sản ở Tây Ninh mà hầu hết là tư sản vừa và nhỏ hoặc tiểu chủ nắm trong tay các cơ sở chế biến nhỏ, chủ yếu là ngành xay xát gạo và các xí nghiệp thủ công như lò gạch, lò đường, xưởng ép dầu đậu phộng (có bọng ép dầu), lò rèn... các tiểu chủ này cũng bóc lột công nhân, nhưng họ phải nộp thuế khá nặng cho chính quyền thuộc địa, nên giữa họ và thực dân Pháp có mâu thuẫn nhất định.

Tầng lớp địa chủ là chỗ dựa của thực dân Pháp ở cơ sở. Đối với những tên địa chủ tay sai đều được tham gia vào các ban hội tề xã, thực dân Pháp cố tình làm ngơ để bọn này bao chiếm đất ruộng công và đất ruộng của nông dân. Ngoài ra, chúng còn cho bọn này làm chủ thầu khai thác gỗ. Với nguồn lợi đất đai và khai thác gỗ giúp cho bọn địa chủ nhanh chóng trở thành tầng lớp giàu có và nắm nhiều quyền lực ở địa phương, đóng vai trò tay sai đắc lực cho thực dân Pháp trong việc siết chặt bộ máy cai trị của chúng đến tận các xã ở vùng sâu, vùng xa¹.

1. Như Đốc phủ Đường (có nhiều ruộng và thầu khai thác gỗ) là một công chức điển hình về trung thành và tận tụy với thực dân Pháp.

Tầng lớp trí thức tiểu tư sản mới hình thành sau khi thực dân Pháp đặt ách cai trị và được Pháp đào tạo để phục vụ cho bộ máy cai trị của chúng. Một bộ phận của tầng lớp này muốn ngoi lên địa vị cao trong xã hội, nên khi thành đạt đã gắn bó với chính quyền thực dân, làm lợi cho bọn thống trị ngoại bang.

Trong thời kỳ thực dân Pháp cai trị, ở tỉnh lỵ và thị trấn hình thành tầng lớp tiểu tư sản thành thị gồm những tiểu thương và tầng lớp lao động thành thị như: phu xe kéo, phu xe thổ mộ, phu quét rác, thợ sửa xe... Lớp người này phải chịu một cuộc sống cơ cực cùng với gánh nặng thuế khoá của thực dân Pháp.

Giai cấp tư sản và địa chủ ở Tây Ninh chiếm một tỷ lệ không đáng kể so với dân số của tỉnh, nhưng lại là giai cấp có thế lực mạnh nhất trong xã hội thuộc địa, được bọn thống trị nuôi dưỡng làm tay sai cho chúng.